Biểu mẫu 09

SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT PHƯỚC HÒA

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	12
I	Điều kiện tuyển sinh	200	163	112
		HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã Phước Hòa, Vĩnh Tân, Tân Hưng, Hưng Hòa, tân Bình. - Tham gia kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở GDĐT Bình Dương tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường	HS sinh sống thuộc địa bàn các xã Phước Hòa, Vĩnh Tân; - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định	HS sinh sống thuộc địa bàn các xã Phước Hòa, Vĩnh Hòa, Vĩnh Tân, An Bình, TT Phước Vĩnh của huyện Phú Giáo; Xã Tân Bình Huyện Bắc Tân Uyên; Xã Hưng Hòa, Tân Hưng Huyện Bàu Bàng - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Bình Dương		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao		
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ..	Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học 2 buổi/ ngày. Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, ánh sáng, quạt, máy chiếu, nước uống. Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo		

V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Học sinh tham gia hoạt động Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. Được tham gia các phong trào VHVN-TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (2/9, 20/10, 20/11, 22/12, 9/1, 26/3, 19/5,...). Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,...)	
VI	**Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục**	Tổng số CB-GV-NV: 34 người trong đó: BGH: 02, GV: 26, NV: 6. (Thạc sỹ 6, ĐH: 20 , CĐ: 0, TC: 0, dưới TC: 3). Tỷ lệ GV: 2,16 GV/lớp, đủ dạy tất cả các môn học. Thực hiện công tác quản lý theo quy định của điều lệ trường học phù hợp với xu hướng tiên tiến hiện đại. Phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp đối tượng học sinh	
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phấn đấu trên 98% lên lớp thẳng và 100% đủ điều kiện dự thi THPT quốc gia. Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS	
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 98%. Duy trì sĩ số ổn định	Tỉ lệ tốt nghiệp THPT bằng % Tỉnh. ĐH, CĐ: 80% trở lên

Phú Giáo, ngày 28 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỚC HÒA

Lê Đức Thanh

Biểu mẫu 10

SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG THPT PHƯỚC HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**399**	**168**	**120**	**111**	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	354	141 (83.93%)	105 (87.50%)	108 (97.30%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	41	23 (13.69%)	15 (12.50%)	3 (2.70%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4	4 (2.38%)	0	0	
4	Yếu	0				
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**399**	**168**	**120**	**111**	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	40	13 (7.74%)	12 (10%)	15 (13.51%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	190	56 (33.33%)	52 (43.33%)	82 (73.87%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	153	91 (54.17%)	48 (40.00%)	14 (12.61%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9	5 (2.98%)	4 (3.33%)	0	
5	Kém	7	3 (1.79%)	4 (3.33%)	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	383/399 (95.60%)	160/168 95.23%	108/120 90%	111/111 100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	40	13 (7.74%)	12 (10%)	15 (13.51%)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	190	56 (33.33%)	52 (43.33%)	82 (73.87%)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	23	13	10		
3	Lưu ban		8	8	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		2 (0.16%)	1 (0.08%)	0	
5	Bị đuổi học		0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)		4	4	0	
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố				4	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	111				
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ**	110				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	28 (25.45%)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	53 (48.18%)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	29 (26.36%)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng**	175/175				
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	43/69				
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	2	0	0	0	

Phú Giáo, ngày 28 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỚC HÒA

Võ Đức Thanh

Biểu mẫu 11

SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG THPT PHƯỚC HÒA

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	**Số phòng học**	18	Số m^2/học sinh	
II	**Loại phòng học**		-	
1	Phòng học kiên cố	18	0.54	MỖI PHÒNG 50m2
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	4	0.5	MỖI PHÒNG 54m2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0.5	MỖI PHÒNG 54m2
7	Bình quân lớp/phòng học	12/18		
8	Bình quân học sinh/lớp	39.6	-	
III	**Số điểm trường**	1	-	
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	10580	22.5	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	900	1.9	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	628		
1	Diện tích phòng học (m^2)	50	1.6	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	54	0.2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	54	0.2	
4	(Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0		
5	*phòng truyền thống (m^2)*	50		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1	1/12lớp	
1.1	Khối lớp 10			
1.2	Khối lớp 11	1	1/ 3lớp	
1.3	Khối lớp 12	1	1/ 3lớp	
1.4	Khối lớp			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 6	0		
2.2	Khối lớp 7	0		
2.3	Khối lớp 8	0		

2.4	Khối lớp 9	0		
3	lý (diện tích/thiết bị)	0		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)**	90	Số học sinh/bộ	475/90
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp	
1	**Ti vi**	0		
2	**Cát xét**	2		
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	2		
4	**OverHead/projector/vật thể**	1/18/1		
5	**Đàn**			

	Nội dung	lượng
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	lượng	Số chỗ	bình
XII	**trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			2; 2		0.11; 0.115

*(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**(website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Phú Giáo, ngày 28 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỚC HÒA

Lê Đức Thanh

Biểu mẫu 12

SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT PHƯỚC HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, CB quản lý và nhân viên của trường năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	0													
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	26													
1	Toán	3			3										
2	Lý	2			2										
3	Hóa	2		1	1										
4	Sinh	2		1	1										
5	Văn	4		2	2										
6	Sử	1			1										
7	Địa	2			2										
8	Tiếng anh	3			3										
9	GDCD	1			1										
10	Công nghệ	1			1										
11	Thể dục	3			3										
12	Tin học	2		1											
13	Quốc phòng	0			1										
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	1		1											
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1													
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên Giám thị	0						2							
9	Nhân viên bảo vệ	2						1							
10	Nhân viên phục vụ	2													
		36	0	6	25	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0
	nữ	19													

Phú Giáo, ngày 28 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỚC HÒA

Lê Đức Thanh